

DỰ THẢO

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-ĐU ngày 26/11/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Đánh giá việc ban hành các chế độ, chính sách theo thẩm quyền

Trong giai đoạn 2021 - 2025, ngoài cơ chế, chính sách Trung ương quy định, UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và UBND tỉnh Kon Tum (cũ) đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nhiều chính sách đặc thù của địa phương nhằm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi an sinh xã hội. Qua các năm thực hiện, tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương đã có nhiều chuyển biến, giảm tỷ lệ hộ nghèo, đời sống vật chất và tinh thần người dân được cải thiện và nâng lên.

(Chi tiết kinh phí thực hiện các chính sách giai đoạn 2021-2025 như Phụ lục 1 kèm theo)

2. Đánh giá các kết quả chủ yếu về tài chính – NSNN

2.1. Tình hình thực hiện thu NSNN

a) Thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 ước đạt 168.696 tỷ đồng, bằng 131% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 (*Kế hoạch giao 128.798 tỷ đồng*) và bằng 20,9% so với tổng sản phẩm (GRDP) theo giá hiện hành giai đoạn 2021-2025; trong đó:

- Thu nội địa ước đạt 112.660 tỷ đồng, tăng 16,1% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 96.997 tỷ đồng*) và chiếm 66,8% tổng thu NSNN trên địa bàn. Trong đó, thu từ nhà máy lọc dầu Dung Quất ước đạt 56.682 tỷ đồng, bằng 192,6% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 29.424 tỷ đồng*), chiếm 50,3% thu nội địa.

- Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu ước đạt 55.130 tỷ đồng, tăng 88,5% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 29.249 tỷ đồng*), chiếm 32,6% tổng thu NSNN trên địa bàn.

- Các khoản thu khác (Thu viện trợ, các khoản huy động đóng góp, thu từ quỹ dự trữ tài chính) ước đạt 381 tỷ đồng, bằng 254% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 150 tỷ đồng*), chiếm 0,23% tổng thu NSNN trên địa bàn.

- Thu vay vốn: tổng số thu giai đoạn 2021-2025 là 525 tỷ đồng, bằng 21,8% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 2.402 tỷ đồng*), chiếm 0,3% tổng thu NSNN.

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 vượt khá so với mục tiêu kế hoạch 05 năm, chủ yếu là tăng thu từ nhà máy lọc dầu Dung Quất và từ hoạt động xuất nhập khẩu.

2.2. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 ước đạt 241.262 tỷ đồng, bằng 182% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 132.557 tỷ đồng*) và bằng 29,9% so với tổng sản phẩm (GRDP) theo giá hiện hành giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

a) Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: Ước đạt 104.305 tỷ đồng, bằng 117,6% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 88.684 tỷ đồng*), chiếm 43,2% tổng thu ngân sách địa phương. Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất ước đạt 6.196 tỷ đồng, bằng 34,1% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 18.148 tỷ đồng*); đạt khá thấp so với mục tiêu kế hoạch 05 năm, chủ yếu là do thị trường bất động sản trầm lắng kéo dài, một số dự án chậm triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra.

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết ước đạt 1.145 tỷ đồng, bằng 105,2% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 1.088 tỷ đồng*).

b) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: Ước đạt 46.269 tỷ đồng, bằng 112% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 41.321 tỷ đồng*), chiếm 19,2% tổng thu ngân sách địa phương.

c) Thu vay vốn để bù đắp bội chi: 218 tỷ đồng, bằng 9,1% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 2.402 tỷ đồng*), chiếm 0,1% tổng thu ngân sách địa phương.

d) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 85.974 tỷ đồng, chiếm 35,6% tổng thu ngân sách địa phương, phát sinh trong quá trình thực hiện.

đ) Các khoản thu còn lại ước đạt 4.495 tỷ đồng, chiếm 1,9% tổng thu ngân sách địa phương; trong đó: thu viện trợ 67 tỷ đồng, thu từ quỹ dự trữ tài chính 87 tỷ đồng, thu huy động đóng góp 199 tỷ đồng, thu kết dư 2.148 tỷ đồng, thu cấp dưới nộp lên cấp trên 1.994 tỷ đồng.

3. Tình hình thu phí, lệ phí

Tổng số thu phí, lệ phí giai đoạn 2021 – 2025 ước thu đạt 298,921 tỷ đồng, trong đó: số chi từ nguồn phí để lại cho các cơ quan thu là 121,956 tỷ đồng và số tiền phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước là 176,965 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*).

4. Tình hình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025

Triển khai thực hiện khoản 1 Điều 4 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025 (*sau đây gọi là Quyết định số*

22/2021/QĐ-TTg), Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã rà soát, xây dựng kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025⁽¹⁾, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025 tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg, tình hình triển khai thực hiện như sau:

a) Hoàn thành công tác thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Khai thác và Xây dựng thủy lợi Kon Tum, hiện đang thực hiện các thủ tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán chi phí và báo cáo Bộ Tài chính theo đúng quy định.

b) Chưa hoàn thành công tác:

- Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi (QISC):

Giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2024, Công ty thực hiện chủ yếu cho thuê hạ tầng các khu công nghiệp; theo đó, các doanh nghiệp thuê sẽ được hưởng hệ thống cơ sở hạ tầng như: điện, nước, xử lý nước thải, PCCC ... và các dịch vụ hỗ trợ đi kèm như: an ninh, bảo trì Tuy nhiên, qua các năm gần đây, hoạt động của Công ty không hiệu quả, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận kinh doanh không cao hoặc không đạt chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giao hàng năm; đồng thời, đến nay Công ty chưa thực hiện dứt điểm các Kết luận thanh tra, do đó chưa thể thực hiện các bước cổ phần hoá theo quy định.

Ngoài ra, hiện nay QISC đang gặp khó khăn, vướng mắc trong việc tài sản công và tài sản kinh doanh của Công ty chưa được phân định và chưa có cơ chế xử lý rõ ràng, gây khó khăn trong định giá và chuyển giao.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có Công văn số 3717/UBND-KTTH báo cáo các khó khăn nêu trên và đề xuất Thủ tướng Chính phủ kéo dài thời gian thực hiện cổ phần hoá sang giai đoạn 2026-2030.

- Thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi.

Hiện nay, công tác thoái vốn tại nhà nước tại các doanh nghiệp đang giai đoạn thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá, đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn, đơn vị thực hiện chuyển nhượng vốn để thực hiện thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Thanh niên xung phong Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Sơn Mỹ Quảng Ngãi. Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi đã nhiều lần có Thư mời các đơn vị, tổ chức tư vấn thẩm định giá, đơn vị tư vấn xây dựng phương án thoái vốn, đơn vị thực hiện chuyển nhượng vốn để thực hiện thoái vốn nhà nước tại các Công ty nêu trên. Tuy nhiên, sau nhiều lần phát hành thư

⁽¹⁾ Tại Báo cáo số 144/BC-UBND ngày 13/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 3381/UBND-KTTH ngày 21/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

mời quan tâm, đến thời điểm hiện nay vẫn chưa nhận được thư nhận tham gia thẩm định giá của các đơn vị, tổ chức để thực hiện nhiệm vụ nêu trên.

5. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

5.1. Kết quả chi NSDP

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 229.189 tỷ đồng, bằng 173,1% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 132.408 tỷ đồng*) và bằng 28,4% so với tổng sản phẩm (GRDP) theo giá hiện hành giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: ước đạt 41.828 tỷ đồng, chiếm 18,3% trong tổng chi ngân sách địa phương.
- Chi thường xuyên: ước đạt 83.837 tỷ đồng, chiếm 36,6% trong tổng chi ngân sách địa phương.
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 18,394 tỷ đồng, chiếm 0,008% trong tổng chi ngân sách địa phương.
- Chi trả nợ gốc các khoản do chính quyền địa phương vay là 86,206 tỷ đồng, chiếm 0,04% trong tổng chi ngân sách địa phương.
- Chi chuyển nguồn: 99.561 tỷ đồng (*trong đó chuyển nguồn cải cách tiền lương 27.229 tỷ đồng*), chiếm 43,4% trong tổng chi ngân sách địa phương.
- Các khoản chi còn lại: tổng chi 3.858 tỷ đồng, chiếm 1,7% trong tổng chi NSDP; trong đó: chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính 60 tỷ đồng, chi nộp ngân sách cấp trên 3.798 tỷ đồng.

Chi ngân sách địa phương hằng năm tăng trưởng so với năm trước, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản được cơ cấu bố trí theo đúng quy định của Luật đầu tư công; chi thường xuyên thực hiện theo đúng định mức, chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện chuyển nguồn sang năm sau theo quy định của Bộ Tài chính.

5.2. Đánh giá các nội dung chi:

a) Chi đầu tư phát triển

Tổng chi đầu tư phát triển (ĐTPT) giai đoạn 2021-2025 ước đạt 41.828 tỷ đồng, bằng 79,8% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 52.448 tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi đầu tư XD CB trong nước ước đạt 15.408 tỷ đồng, chiếm 36,8% tổng chi ĐTPT. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn này thực hiện theo Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật, ưu tiên xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn trả ứng trước.
- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt 7.538 tỷ đồng, chiếm 18% tổng chi ĐTPT.
- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết ước đạt 819 tỷ đồng, chiếm 2% tổng chi ĐTPT.

- Chi đầu tư từ nguồn bội chi ước đạt 217 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng chi ĐTPT.

- Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư) ước đạt 5.390 tỷ đồng, chiếm 12,9% tổng chi ĐTPT.

- Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu, dự án từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 11.442 tỷ đồng, chiếm 27,4% tổng chi ĐTPT.

- Chi đầu tư phát triển khác ước đạt 1.012 tỷ đồng, chiếm 2,4% tổng chi ĐTPT; chi ĐTPT khác chủ yếu là ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định.

b) Chi thường xuyên

Tổng chi thường xuyên giai đoạn 2021-2025 ước đạt 83.837 tỷ đồng, bằng 107,1% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm (*Kế hoạch giao 78.312 tỷ đồng*). Trong đó:

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề ước đạt 32.946 tỷ đồng, chiếm 39,3% tổng chi thường xuyên.

- Chi khoa học công nghệ ước đạt 181 tỷ đồng, chiếm 0,2% tổng chi thường xuyên.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ước đạt 1.306 tỷ đồng, chiếm 1,6% tổng chi thường xuyên.

- Chi các sự nghiệp còn lại ước đạt 45.861 tỷ đồng, chiếm 54,7% tổng chi thường xuyên.

- Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) ước đạt 1.939 tỷ đồng, chiếm 2,3% tổng chi thường xuyên.

- Chi thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu ước đạt 1.602 tỷ đồng, chiếm 1,9% tổng chi thường xuyên.

Các khoản chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh được cơ cấu lại theo hướng hiệu quả, sắp xếp lại nhiệm vụ chi cho phù hợp, ưu tiên những nhiệm vụ cấp thiết, mang tính đột phá; ưu tiên cân đối nguồn thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội, chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Công tác phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách thực hiện đảm bảo theo các quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn liên quan theo cơ chế phân cấp quản lý từ khâu lập, phân bổ dự toán đến chấp hành và quyết toán ngân sách.

c) Về tình hình nợ chính quyền địa phương

Tổng mức vay của ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 227,492 tỷ đồng; dư nợ đầu kỳ (đầu năm 2021) là 79,488 tỷ đồng, dư nợ cuối kỳ (cuối năm 2025) là 226,522 tỷ đồng. Tổng số chi trả nợ gốc và nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay là 104,6 tỷ đồng (trả nợ gốc 86,206 tỷ đồng, trả nợ lãi 18,394 tỷ đồng). Việc thực hiện các chỉ tiêu về quản lý nợ công theo đúng quy định của Luật NSNN và Luật Quản lý nợ công; bố trí trả nợ lãi và nợ gốc đầy đủ, đúng hạn theo cam kết với Chính phủ.

d) Quỹ lương và nguồn cải cách tiền lương

- Tổng quỹ tiền lương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh là 67.797 tỷ đồng.
- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương giai đoạn 2021-2025 là 25.216 tỷ đồng

6. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

a) Kết quả thực hiện tinh giản biên chế

* Giai đoạn 2021-2024:

- Tổng số đối tượng giải quyết tinh giản biên chế: 1.294 người. Cụ thể: năm 2021: 519 người; năm 2022: 290 người; năm 2023: 234 người; năm 2024: 251 người.

- Tổng số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế giai đoạn 2021-2024: 222,352 tỷ đồng. Cụ thể: năm 2021: 76,66 tỷ đồng; năm 2022: 48,89 tỷ đồng; năm 2023: 40,938 tỷ đồng; năm 2024: 55,864 tỷ đồng.

* Năm 2025 thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP²: Tính đến thời điểm 31/8/2025 đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định, phê duyệt 2.908 đối tượng nghỉ hưu và nghỉ thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2024/NĐ-CP (2.870 đối tượng do nguồn NSNN chi trả và 38 đối tượng do nguồn của đơn vị chi trả). Trong đó, đến thời điểm ngày 10/10/2025 đã hoàn thành việc phê duyệt kinh phí và thực hiện chi trả đối với 2.908/2.908 trường hợp với số tiền là 2.971,809 tỷ đồng (trong đó, chi trả cho 34 đối tượng thuộc LĐLĐ tỉnh là 56 tỷ đồng).

b) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập

* Tỉnh Quảng Ngãi (cũ): Kết quả thực hiện giai đoạn 2017 đến năm 2023 đã sắp xếp tổ chức giảm 194 đơn vị sự nghiệp công lập (không tính giảm 10 trạm y tế tuyến xã do sắp xếp đơn vị hành chính theo NQ 867 và giải thể 02 Phòng khám đa khoa khu vực). Trong đó: Lĩnh vực y tế giảm 29 đơn vị; lĩnh vực giáo dục - đào tạo giảm 79 đơn vị; lĩnh vực giáo dục - nghề nghiệp giảm 12 đơn vị; lĩnh vực Nông nghiệp giảm 34 đơn vị; lĩnh vực văn hóa giảm 11 đơn vị; lĩnh vực khoa học giảm 01 đơn vị; lĩnh vực tài nguyên và môi trường và sự nghiệp khác giảm 27 đơn vị; lĩnh vực thông tin - truyền thông giảm 01 đơn vị.

* Tỉnh Kon Tum (cũ):

- Giai đoạn từ năm 2015- 2025, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, các quy định của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, theo đó, tính đến 31 tháng 12 năm 2024, tổng số ĐVSNC thuộc phạm vi quản lý là 440 đơn vị, đã giảm được 80 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015, đạt tỷ lệ 15,38%.

² Theo báo cáo của Sở Nội vụ tại Công văn số 1672/SNV-TCBC ngày 10/10/2025 gửi Bộ Nội vụ

- Đã tiến hành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc 07 cơ quan, đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh; đang rà soát chuyển đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác đủ điều kiện thành Công ty cổ phần.

c) Số kinh phí cắt giảm/dành ra gắn với thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế hành chính và giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước gắn với quá trình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và việc sử dụng nguồn kinh phí này trong từng năm và 05 năm qua

* Tỉnh Quảng Ngãi (cũ): Không phát sinh

* Tỉnh Kon Tum (cũ): Năm 2021: 78.000 triệu đồng³; Năm 2023: 9.921 triệu đồng⁴; Năm 2024: 43.380 triệu đồng⁵; Năm 2025: 34.128 triệu đồng⁶

III. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ về tài chính - ngân sách

1. Về thu NSNN

- Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 vượt mục tiêu kế hoạch giao. Tuy nhiên, thu tiền sử dụng đất đạt rất thấp, chỉ bằng 34,1% so với mục tiêu kế hoạch 05 năm, nguyên nhân chủ yếu là do thị trường bất động sản trầm lắng kéo dài, một số dự án chậm triển khai thực hiện.

- Nguồn thu chủ yếu của tỉnh Quảng Ngãi phụ thuộc lớn vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất (chiếm khoảng 50% tổng thu của ngân sách địa phương). Do đó, thu ngân sách của tỉnh không ổn định và dễ biến động theo nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhất là khi giá dầu thô thế giới biến động khó lường, có xu hướng giảm, dẫn đến ngân sách tỉnh hụt thu so với dự toán được giao.

- Trong cơ cấu thu NSNN trên địa bàn của tỉnh, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn (chiếm 32,6%) và hàng năm đều vượt mức dự toán

³ Đây là nguồn giảm cấp sự nghiệp y tế do cơ cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh. Đã sử dụng 50% kinh phí để bổ sung nguồn thực hiện CCTL theo quy định, 50% kinh phí còn lại để bổ sung y tế dự phòng, thực hiện các chính sách, chế độ lĩnh vực y tế và mua sắm, sửa chữa các cơ sở y tế theo quy định.

⁴ trong đó: (i) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các cơ sở công lập y tế: 8.804 triệu đồng; (ii) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập các lĩnh vực khác còn lại: 1.117 triệu đồng. Đã sử dụng 50% kinh phí để bổ sung nguồn thực hiện CCTL theo quy định, 50% còn lại ưu tiên chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng.

⁵ trong đó: (i) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các cơ sở công lập y tế: 5.714 triệu đồng; (ii) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các cơ sở giáo dục đào tạo: 13.254 triệu đồng; (iii) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập các lĩnh vực khác còn lại: 9.078 triệu đồng; (iv) Giảm trừ dự toán các đơn vị sự nghiệp công lập do xác định lại Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025: 15.334 triệu đồng. Đã sử dụng 50% kinh phí để bổ sung nguồn thực hiện CCTL theo quy định, 50% còn lại ưu tiên chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng.

⁶ trong đó: (i) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các cơ sở công lập y tế: 1.476 triệu đồng; (ii) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các cơ sở giáo dục đào tạo: 9.610 triệu đồng; (iii) Giảm trừ 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập các lĩnh vực khác còn lại: 11.521 triệu đồng. Đã sử dụng 50% kinh phí để bổ sung nguồn thực hiện CCTL theo quy định, 50% còn lại ưu tiên chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương ứng.

giao; tuy nhiên, toàn bộ khoản thu này điều tiết về ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương không được hưởng nên không tạo được cơ chế khuyến khích cho địa phương trong công tác quản lý thu thuế trên địa bàn.

- Thu từ DNNN địa phương chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu thu NSNN theo thành phần kinh tế và có xu hướng giảm dần qua từng năm, do một số doanh nghiệp địa phương thực hiện cổ phần hóa và hoạt động hiệu quả không cao nên cũng ảnh hưởng đến số thu ngân sách từ khu vực này.

- Vẫn còn tình trạng kê khai thiếu thuế phải nộp, trốn, gian lận, lậu thuế, nợ đọng thuế chưa được khắc phục triệt để; còn có khoản thu không đúng đối tượng hoặc không nộp kịp thời vào ngân sách.... Do một số doanh nghiệp ý thức chấp hành pháp luật thuế còn hạn chế, chây ỳ, cố tình không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; nhiều cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp còn nợ thuế nhưng đã ngưng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh cũng gây khó khăn trong công tác thu hồi nợ thuế.

2. Về chi NSDP

- Do nguồn thu của tỉnh phụ thuộc nhiều vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất nên khi có biến động giảm về giá dầu thì ngân sách tỉnh hụt thu, ảnh hưởng đến việc cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương, phải thực hiện cắt, giảm chi hoặc chuyển nhiệm vụ chi sang năm sau thực hiện.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt mục tiêu kế hoạch giao, đã ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn vốn này; phải rà soát để cắt, giảm việc đầu tư từ nguồn này chưa thật sự cần thiết làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác điều hành, giải ngân của tỉnh và tiến độ thực hiện các dự án.

- Chi chuyển nguồn ngân sách hàng năm còn lớn và kéo dài dẫn đến nguồn vốn sử dụng chưa hiệu quả.

- Cơ sở hạ tầng của tỉnh Quảng Ngãi chưa đồng bộ, tỷ lệ hộ nghèo cao, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; do đó, nhu cầu để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là rất lớn, trong khi đó nguồn lực của địa phương còn hạn chế nên không đáp ứng được hết yêu cầu đề ra.

- Một số chính sách do Trung ương ban hành giao địa phương bố trí kinh phí thực hiện, nên rất khó khăn trong việc cân đối ngân sách địa phương để thực hiện.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

1. Dự báo những yếu tố tác động đến Kế hoạch tài chính 05 năm

Tình hình chính trị của đất nước tiếp tục ổn định, kinh tế đất nước ngày càng phát triển ổn định, bền vững; công tác cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi được Trung ương, địa phương lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao.

Tình hình thế giới và trong nước tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen. Không gian phát triển được mở rộng, tạo thuận lợi để phát

huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về liên kết phát triển kinh tế rừng, biển, đảo, cửa khẩu.

Trong giai đoạn 2026-2030, dự kiến triển khai dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất từ 6,5 triệu tấn lên 7,6 triệu tấn/năm hoàn thành trong cuối năm 2029. Ngoài ra, trong giai đoạn này dự kiến Quốc hội sẽ thông qua một số Luật thuế mới sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt,... theo Chương trình cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030 sẽ tác động tăng thu NSNN, đặc biệt là mức thuế suất thuế TTĐB đối với mặt hàng bia, rượu dự kiến tăng mạnh so với hiện nay.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tỉnh Quảng Ngãi cũng gặp những khó khăn nhất định như: qua theo dõi thu các năm gần đây trên địa bàn tỉnh phát sinh nguồn thu mới không đáng kể, một số nguồn thu có tăng trưởng nhưng không lớn; cơ cấu, tỷ trọng nguồn thu trên địa bàn phần lớn là phụ thuộc vào số thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất (chiếm trên 30% thu nội địa), giá dầu thô thế giới lại biến động khó lường. Ngoài ra, tỉnh Quảng Ngãi có đông đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường;... là yếu tố chủ yếu, tiềm ẩn tác động trực tiếp đến phát triển chung của tỉnh trong thời gian đến.

2. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của địa phương

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm những chỉ tiêu sau:

(1) Phân đầu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.

(4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.

(6) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.

(8) Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.

(9) Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

(12) Đến năm 2030, phần đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

(13) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

3. Mục tiêu tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030

3.1. Mục tiêu tổng quát:

- Phân bổ các nguồn lực tài chính của Nhà nước cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách khoa học, công khai, minh bạch.

- Phần đầu thu ngân sách nhà nước hàng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao trên 5%; quản lý chi ngân sách tiết kiệm, chặt chẽ, hiệu quả.

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nợ công đảm bảo an toàn, bền vững, hiệu quả góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; thực hiện tốt các chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; siết chặt kỷ luật, kỷ cương về tài chính-ngân sách; tăng cường cải cách hành chính, nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính.

2. Mục tiêu cụ thể, chủ yếu:

2.1. Về thu ngân sách nhà nước

Giai đoạn 2026-2030, tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh dự kiến thu 192.336 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025; trong đó:

- Thu nội địa dự kiến thu 132.242 tỷ đồng, chiếm 68,8% tổng thu NSNN, tăng 17,4% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

- + Thu từ NMLD Dung Quất dự kiến thu 44.979 tỷ đồng, chiếm 34% thu nội địa, bằng 79,4% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025;

- + Thu tiền sử dụng đất dự kiến thu 15.500 tỷ đồng, chiếm 11,7% thu nội địa, tăng 150,2% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025;

- + Thu xổ số kiến thiết dự kiến thu 1.468 tỷ đồng, chiếm 1,1% thu nội địa, tăng 28,2% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025;

- + Các khoản thu còn lại dự kiến thu 70.295 tỷ đồng, chiếm 53,2% thu nội địa, tăng 44,5% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025.

Nếu không tính thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thì thu nội địa

tăng bình quân 8,6%/năm.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu dự kiến đạt 59.835 tỷ đồng, chiếm 31,1% tổng thu NSNN, tăng 8,6% so với thực hiện giai đoạn 2021-2025; tăng thu hàng năm khoảng 5%.

- Vay của ngân sách địa phương: dự kiến giai đoạn 2026-2030, địa phương sẽ triển khai 03 dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; với tổng kế hoạch vay lại của Chính phủ để thực hiện các dự án là 259 tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng thu NSNN.

Tổng nguồn thu ngân sách địa phương (*bao gồm thu được hưởng theo phân cấp, Trung ương bổ sung cân đối*) giai đoạn 2026 - 2030 là 218.507 tỷ đồng; trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 124.644 tỷ đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 91.817 tỷ đồng.

2.2. Về chi ngân sách địa phương

Dự kiến chi ngân sách địa phương (NSDP) giai đoạn 2026-2030 là 218.507 tỷ đồng; trong đó:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương dự kiến 147.716 tỷ đồng; trong đó:

- Chi đầu tư phát triển dự kiến chi 33.945 tỷ đồng, chiếm 23% tổng chi cân đối NSDP. Trong đó: chi đầu tư XDCB tập trung 18.417 tỷ đồng (*bao gồm chi trả nợ gốc các khoản do chính quyền địa phương vay là 124 tỷ đồng*), chiếm 54,3% chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất 13.175 tỷ đồng, chiếm 38,8% chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.468 tỷ đồng, chiếm 4,3% chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn bội chi 259 tỷ đồng, chiếm 0,8% chi đầu tư phát triển; chi đầu tư phát triển khác (ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định) 625 tỷ đồng, chiếm 1,8% chi đầu tư phát triển.

- Chi thường xuyên dự kiến chi 107.071 tỷ đồng, chiếm 72,5% tổng chi cân đối NSDP. Trong đó: chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 46.214 tỷ đồng, chiếm 43,2% chi thường xuyên; chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 1.226 tỷ đồng, chiếm 1,15% chi thường xuyên.

- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay 82 tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 10,7 tỷ đồng, chiếm 0,01% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi dự phòng ngân sách 2.954 tỷ đồng, bằng 2% chi cân đối ngân sách địa phương.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 3.650 tỷ đồng, chiếm 2,5% tổng chi cân đối NSDP.

Dự toán chi cân đối NSDP giai đoạn 2026-2030 là 147.716 tỷ đồng, đã bao gồm kinh phí Trung ương bổ sung cân đối để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của địa phương là 20.859 tỷ đồng.

b) Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu dự kiến giai đoạn 2026-2030 là 70.791 tỷ đồng. Trong đó:

- Các chương trình mục tiêu quốc gia: 32.249 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư thực hiện chương trình, dự án: 27.871 tỷ đồng
- Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ: 10.670 tỷ đồng.

4. Giải pháp thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm

1. Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các mô hình kinh tế mới.

2. Bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, tạo động lực thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhanh, bền vững. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, công nghệ, thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp linh hoạt, năng động.

3. Tích cực rà soát, đề xuất cơ chế, biện pháp để đẩy mạnh khai thác tốt nguồn thu trên địa bàn, đặc biệt là nguồn thu từ tài nguyên đất đai, khai thác khoáng sản, mở rộng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiềm năng thủy điện, các lợi thế về du lịch sinh thái Măng Đen, du lịch biển đảo Lý Sơn, giao thương hàng hóa qua cửa khẩu Quốc tế Bờ Y...; thực hiện tốt các chính sách kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tạo nguồn thu và giải quyết lao động, việc làm. Tổ chức thực hiện tốt cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, logistic, dịch vụ công. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật thuế, hạn chế nợ đọng tiền thuế.

4. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính thuế; ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính, khai, nộp, hoàn thuế điện tử; thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Phấn đấu thu đạt và vượt chỉ tiêu Trung ương giao.

5. Trên cơ sở khả năng nguồn lực ngân sách địa phương, cơ cấu, sắp xếp lại nhiệm vụ chi cho phù hợp, ưu tiên những nhiệm vụ cấp thiết, mang tính đột phá. Dành nguồn lực ngân sách để hỗ trợ đầu tư phát triển các sản phẩm, ngành nghề mũi nhọn, bền vững của tỉnh; phát triển vùng khó khăn, vùng kinh tế động lực, trọng điểm; các đề án, chính sách, kế hoạch phải đảm bảo cân đối chắc chắn nguồn ngân sách trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành. Điều hành chi ngân sách theo tiến độ thực hiện nguồn thu, chủ động cắt giảm, giãn tiến độ khi

thu không đạt dự toán. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư thực hiện các dịch vụ công (*y tế, giáo dục, thể dục thể thao...*); tập trung nguồn lực để đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội. Tập trung triển khai tốt các chính sách trợ giúp cho đồng bào dân tộc thiểu số, cho người nghèo, diện chính sách.

6. Nâng cao hiệu quả đầu tư công. Rà soát danh mục các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn vay nợ công, kiên quyết cắt giảm các chương trình, dự án không đảm bảo hiệu quả, chưa thực sự cần thiết. Kiểm soát chặt chẽ việc phân bổ và quản lý sử dụng vốn, hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước. Công khai, minh bạch; kiểm soát chặt chẽ sử dụng nguồn lực tài chính công. Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm.

7. Giảm bội chi ngân sách, hạn chế tạm ứng ngân sách và chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau.

8. Rà soát, tham mưu cấp thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực tài chính địa phương cho phù hợp với tình hình thực tiễn, phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tổ chức, công dân nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo

9. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước trong xây dựng cơ chế, chính sách và thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng NSNN; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, góp phần thực hiện có hiệu quả công tác quản lý ngân sách nhà nước.